


Phụ lục 17*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương)***PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT****MAGNESIUM CHLORIDE HEXAHYDRATE**

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 7791-18-6 Số UN: Không có thông tin Số đăng ký EC: OM2975000 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Magnesium Chloride Hexahydrate	Mã sản phẩm nếu có
Tên thương mại:	
Tên khác (không là tên khoa học):	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM ĐT: 028.6683.3399 Fax: 028.6250.7935
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: Magie Chloride còn được gọi là nước ôôt được sản xuất theo dạng vẩy và dạng hạt được sử dụng cho các ngành như, ngành tẩy rửa, chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản, sản xuất vật liệu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Magnesium Chloride Hexahydrate	7791-18-6	MgCl ₂ .6H ₂ O	100%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

- Mức xếp loại nguy hiểm** (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Không có thông tin
- Cảnh báo nguy hiểm:** Không có thông tin
- Các đường tiếp xúc và triệu chứng:**
 - Đường mắt: Đỏ, có thể gây kích ứng nhẹ
 - Đường thở: Kích ứng đường hô hấp.
 - Đường da: Tiếp xúc lâu dài có thể gây mẩn đỏ và kích ứng. Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây khô rát, nứt da.
 - Đường tiêu hóa: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt, nuốt gây bỏng tiêu hóa trên đường hô hấp. Các triệu chứng bao gồm: Nóng, rát, ho, thở khò khè, đau đầu, buồn nôn, nôn.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt):
Rửa sạch bằng nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút, nhắc mí mắt trên và dưới. Tham khảo ý kiến bác sĩ
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da):
Rửa da với xà phòng và nước.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):
Di chuyển đến nơi có không khí trong lành.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):
Súc miệng sạch với nước, sau đó uống nhiều nước.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có): Điều trị theo triệu chứng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không có thông tin
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Không có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không có thông tin.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:**
Sử dụng các biện pháp dập lửa thích hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. Sử dụng phun nước để chữa cháy có thể không hiệu quả
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:**
Mặc đầy đủ quần áo bảo hộ và thiết bị thở bình hơi.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Không có thông tin

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- **Cảnh báo cá nhân:** Đảm bảo thông gió đầy đủ, đặc biệt là trong khu vực kín.
- **Trang thiết bị bảo hộ cá nhân:** Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Thận trọng trong việc bảo quản:**
- Xử lý phù hợp với vệ sinh công nghiệp tốt và thực hành an toàn.

III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...):
Sản phẩm này, như được cung cấp, không chứa bất kỳ chất độc hại với giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp do khu vực, cơ quan quản lý cụ thể.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Mang kính an toàn với lá chắn bên (hay kính).
 - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
 - Bảo vệ tay: Mang găng tay bảo hộ phù hợp
 - Bảo vệ chân: mang giày bảo hộ
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): bồn rửa mặt và vòi tắm

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất rắn (bột)	Điểm sôi (°C): không có sẵn
Màu sắc: Không có thông tin	Điểm nóng chảy (°C): không có sẵn
Mùi đặc trưng: Mùi đặc trưng	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: Không có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH: Không có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn

Khối lượng riêng (kg/m³): không có sẵn

Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở nhiệt độ bình thường.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Có thể phản ứng nhanh nhẹn với chất oxy hóa – nguy cơ nổ.

- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Phân hủy nhiệt có thể giải phóng các khí, hơi khó chịu và độc hại. Cacbon monoxide, Carbon dioxide (CO₂).

- Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Tác nhân oxy hóa mạnh mẽ.

- Phản ứng trùng hợp: Không có thông tin

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Magnesium Chloride		KHÔNG CÓ THÔNG TIN		

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Không có thông tin

2. Các ảnh hưởng độc khác: Không có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Magnesium Chloride		KHÔNG CÓ THÔNG TIN	

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Không có thông tin

- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học : không có thông tin

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):

Tránh xa công rãnh, kênh mương và đường thủy. Sử dụng dịch vụ xử lý chất thải chuyên nghiệp được cấp phép vứt bỏ sản phẩm này. Sản phẩm có thể được hòa tan trong một dung môi dễ cháy hoặc bị hấp thụ vào một vật liệu dễ cháy và đốt cháy bởi một lò đốt chất thải hóa chất.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có thông tin.

3. Biện pháp tiêu hủy: Không có thông tin

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Không có thông tin

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số						Không quy định

29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA ...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ.**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 05-09-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15-01-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.